

BỘ LAO ĐỘNG -
THƯƠNG BINH VÀ XÃ
HỘI-BỘ CÔNG AN-VIỆN
KIỂM SÁT NHÂN DÂN
TỐI CAO-TOÀ ÁN NHÂN
DÂN TỐI CAO

Số:

09/2006/TTLT/BLĐTBXH-
BCA-VKSNDTC-TANDTC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 4 tháng 8 năm 2006

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

**Hướng dẫn việc truy cứu trách nhiệm hình sự người có hành vi
vi phạm pháp luật trong lĩnh vực xuất khẩu lao động ở nước ngoài**

Để thi hành đúng và thống nhất các quy định của pháp luật trong việc xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực xuất khẩu lao động ở nước ngoài, góp phần tăng cường quan hệ hợp tác kinh tế - lao động với các nước, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao thống nhất hướng dẫn việc truy cứu trách nhiệm hình sự người có hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực xuất khẩu lao động ở nước ngoài như sau:

I. Việc truy cứu trách nhiệm hình sự người có hành vi tổ chức, cưỡng ép người lao động ở lại nước ngoài trái phép

1. Giải thích từ ngữ

1.1. "Người lao động làm việc ở nước ngoài" là công dân Việt Nam được đưa đi làm việc ở nước ngoài dưới hình thức xuất khẩu lao động (sau đây gọi chung là "người lao động").

1.2. "Tổ chức cho người lao động ở lại nước ngoài trái phép" là thực hiện một trong những hành vi sau đây giúp cho người lao động ở lại nước ngoài (ở lại nước tiếp nhận lao động theo hợp đồng đi làm việc ở nước ngoài hoặc ở lại nước thứ ba) trái với các quy định của pháp luật Việt Nam:

- a) Lập kế hoạch hoặc tư vấn cho người lao động ở lại nước ngoài trái phép;
- b) Tạo các điều kiện về vật chất như: tìm chỗ ở, giới thiệu nơi tìm việc làm, cho tiền, cung cấp phương tiện... hoặc tạo các điều kiện khác như: làm các giấy tờ tùy thân giả, cung cấp các giấy tờ tùy thân... cho người lao động ở lại nước ngoài trái phép.

1.3. "Cưỡng ép người lao động ở lại nước ngoài trái phép" là dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, uy hiếp về tinh thần, khống chế hoặc lợi dụng sự lệ thuộc về vật chất hoặc có hành vi khác ép buộc người lao động ở lại nước ngoài trái phép.

2. Chủ thể của tội phạm

Người bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội tổ chức, cưỡng ép người khác ở lại nước ngoài trái phép quy định tại Điều 275 Bộ luật hình sự (sau đây viết tắt là BLHS) và hướng dẫn tại Thông tư này là công dân Việt Nam, người không có quốc tịch thường trú tại Việt Nam phạm tội ngoài lãnh thổ Việt Nam. Các đối tượng phạm tội trên lãnh thổ Việt Nam cũng có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo hướng dẫn tại Thông tư này nếu trong cùng vụ án đó còn có đối tượng khác phạm tội ngoài lãnh thổ Việt Nam.

3. Về đường lối xử lý

3.1. Việc định tội danh

a) Người nào thực hiện một trong các hành vi được hướng dẫn tại tiểu mục 1.2 mục 1 Phần I của Thông tư này, thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội "tổ chức người khác ở lại nước ngoài trái phép" quy định tại Điều 275 BLHS.

b) Người nào thực hiện một trong các hành vi được hướng dẫn tại tiểu mục 1.3 mục 1 Phần I của Thông tư này, thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội "cưỡng ép người khác ở lại nước ngoài trái phép" quy định tại Điều 275 BLHS.

c) Người nào thực hiện nhiều hành vi được hướng dẫn tại tiểu mục 1.2 và tiểu mục 1.3 mục 1 Phần I của Thông tư này mà các hành vi đó liên quan chặt chẽ với nhau (hành vi này là điều kiện để thực hiện hoặc là hậu quả tất yếu của hành vi phạm tội kia), thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự với tội danh đầy đủ đối với các hành vi đã thực hiện về tội "tổ chức, cưỡng ép người khác ở lại nước ngoài trái phép" quy định tại Điều 275 BLHS và chỉ phải chịu một hình phạt chung.

Ví dụ: Nguyễn Văn A lập kế hoạch cho Nguyễn Văn B là người lao động Việt Nam ở lại nước ngoài trái phép. Khi thấy Nguyễn Văn B không muốn ở lại nước ngoài thì Nguyễn Văn A đe dọa sẽ giết chết B hoặc vợ, con của B. Trong trường hợp này, Nguyễn Văn A phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự với tội danh đầy đủ đối với các hành vi đã thực hiện về tội "tổ chức, cưỡng ép người khác ở lại nước ngoài trái phép".

d) Người nào thực hiện nhiều hành vi được hướng dẫn tại tiểu mục 1.2 và tiểu mục 1.3 mục 1 Phần I của Thông tư này mà các hành vi đó độc lập với nhau, thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự về các tội độc lập tương ứng với các hành vi phạm tội là tội "tổ chức người khác ở lại nước ngoài trái phép" và tội "cưỡng ép người khác ở lại nước ngoài trái phép" quy định tại Điều 275 BLHS. Khi xét xử Toà án quyết định hình phạt đối với từng tội và áp dụng Điều 50 BLHS để quyết định hình phạt chung.

Ví dụ: Trần N làm hộ chiếu giả và tìm chỗ ở cho Lê Văn C để Lê Văn C ở lại nước ngoài trái phép, đồng thời Trần N lợi dụng Lê Thị M lệ thuộc mình về mặt vật chất và khống chế buộc Lê Thị M ở lại nước ngoài trái phép. Trong trường hợp này, Trần N bị truy cứu trách nhiệm hình sự về hai tội: tội "tổ chức người khác ở lại nước ngoài trái phép" đối với hành vi làm hộ chiếu giả và tìm chỗ ở cho Lê Văn C và tội "cưỡng ép người khác ở lại nước ngoài trái phép" đối với hành vi lợi dụng Lê Thị M lệ thuộc mình về mặt vật chất và khống chế buộc Lê Thị M ở lại nước ngoài trái phép.

3.2. Xác định các tình tiết định khung tăng nặng

a) "Phạm tội nhiều lần" quy định tại khoản 2 Điều 275 BLHS là đã có từ hai lần phạm tội trở lên (hai lần tổ chức cho người lao động ở lại nước ngoài trái phép; hai lần cưỡng ép người lao động ở lại nước ngoài trái phép mà không phân biệt các hành vi đó được thực hiện ở cùng một địa điểm trong một nơi làm việc hay ở các nơi khác nhau...) và trong các lần phạm tội đó người phạm tội chưa có lần nào bị truy cứu trách nhiệm hình sự và chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự.

b) "Gây hậu quả nghiêm trọng" quy định tại khoản 2 Điều 275 BLHS khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Tổ chức, cưỡng ép từ 5 người đến 10 người lao động ở lại nước ngoài trái phép;

- Thu lợi bất chính từ việc tổ chức, cưỡng ép người lao động ở lại nước ngoài trái phép từ 30 triệu đồng đến 100 triệu đồng.

c) "Gây hậu quả rất nghiêm trọng" quy định tại khoản 2 Điều 275 BLHS khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Tổ chức, cưỡng ép từ 11 người đến 15 người lao động ở lại nước ngoài trái phép;
- Thu lợi bất chính từ việc tổ chức, cưỡng ép người lao động ở lại nước ngoài trái phép từ trên 100 triệu đồng đến 300 triệu đồng;
- Làm cho nước tiếp nhận lao động tạm đình chỉ hoặc đình chỉ việc tiếp nhận lao động Việt Nam vào làm việc ở một số ngành, nghề.

d) "Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng" quy định tại khoản 3 Điều 275 BLHS khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Tổ chức, cưỡng ép từ 16 người lao động trở lên ở lại nước ngoài trái phép;
- Thu lợi bất chính từ việc tổ chức, cưỡng ép người lao động ở lại nước ngoài trái phép từ trên 300 triệu đồng trở lên;
- Làm cho nước tiếp nhận lao động tạm đình chỉ hoặc đình chỉ việc tiếp nhận lao động Việt Nam làm việc.

II. Việc truy cứu trách nhiệm hình sự người lao động ở lại nước ngoài trái phép

1. Giải thích từ ngữ

"Người lao động ở lại nước ngoài trái phép" là công dân Việt Nam được đưa đi làm việc ở nước ngoài dưới hình thức xuất khẩu lao động mà trong thời hạn lao động hoặc hết thời hạn lao động theo hợp đồng đã tự ý trốn ở lại nước ngoài (ở lại nước tiếp nhận lao động theo hợp đồng đi làm việc ở nước ngoài hoặc ở lại nước thứ ba) không được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam và được thể hiện bằng một trong các hành vi sau đây:

1.1. Bỏ trốn ngay sau khi nhập cảnh vào nước tiếp nhận lao động để ở lại nước ngoài trái phép quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 141/2005/NĐ-CP ngày 11/11/2005 của Chính phủ về quản lý lao động làm việc ở nước ngoài (sau đây viết gọn là Nghị định số 141);

1.2. Tự ý bỏ nơi đang làm việc theo hợp đồng lao động để ở lại nước ngoài trái phép quy định tại khoản 6 Điều 4 của Nghị định số 141;

1.3. Không về nước khi chấm dứt hợp đồng lao động theo thời hạn quy định của nước sở tại quy định tại khoản 7 Điều 4 của Nghị định số 141.

2. Chủ thể của tội phạm

2.1. Người bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội "ở lại nước ngoài trái phép" quy định tại Điều 274 BLHS và hướng dẫn tại Thông tư này là người lao động thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Người lao động đã bị xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả "buộc về nước" theo đúng thủ tục xử phạt và thi hành quyết định xử phạt quy định tại Điều 31 Nghị định số 141 nhưng sau 30 ngày, kể từ ngày thông báo về việc không chấp hành quyết định xử phạt mà người bị xử phạt vẫn không chấp hành quyết định xử phạt.

b) Người lao động đã chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả "buộc về nước", nhưng chưa hết thời hạn một năm kể từ ngày về nước lại được đưa đi làm việc hợp pháp ở nước ngoài dưới hình thức xuất khẩu lao động và đã thực hiện một trong các hành vi được hướng dẫn tại mục 1 Phần II của Thông tư này.

2.2. Những người khác không phải là chủ thể được hướng dẫn tại tiểu mục 2.1 của mục này cũng có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội "ở lại nước ngoài trái phép" với vai trò đồng phạm.

III. THẨM QUYỀN, THỦ TỤC TRUY CỨU TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ NGƯỜI CÓ HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT TRONG LĨNH VỰC XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG Ở NƯỚC NGOÀI

1. Thẩm quyền xét xử

1.1. Tòa án có thẩm quyền xét xử các vụ án về tội "ở lại nước ngoài trái phép" và về tội "tổ chức, cưỡng ép người khác ở lại nước ngoài trái phép" trong lĩnh vực xuất khẩu lao động theo hướng dẫn tại Thông tư này là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố